

Số: 143 /TB-UBND

Ấn Phong, ngày 12 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai
quyết toán ngân sách xã năm 2023

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 138 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2024 của UBND xã Ấn Phong về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023;

Nay UBND xã Ấn phong thông báo về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã năm 2023 (kèm theo 01 quyết định, 4 phụ lục và thuyết minh quyết toán) tại trụ sở UBND xã Ấn Phong. Thời gian niêm yết từ ngày 12/8/2024 .

Trong thời gian niêm yết, đề nghị các ban ngành, đoàn thể, nhân dân theo dõi nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã để xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Đài TT xã;
- TT Đảng ủy- HĐND;
- Các ngành, đoàn thể, ban thôn;
- Lưu VT.



PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2023**



Ấn Phong, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 138/QĐ-UBND

Ân phong, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN PHONG

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 19 /7/2024 của HĐND xã Ân phong về quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2023 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Tài chính- kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

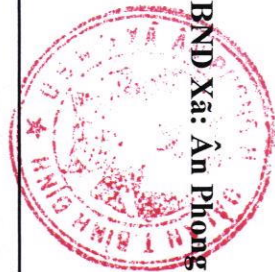
Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy - HĐND xã
- Các ngành, đoàn thể;
- Lưu VP, tài chính.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Thành

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	9.340.281.951	Tổng số chi	9.334.125.010
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	961.572.974	I. Chi đầu tư phát triển	3.041.201.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	186.699.248	II. Chi thường xuyên	5.342.621.058
III. Thu bổ sung	6.467.808.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	950.302.952
- Bổ sung cân đối	3.301.508.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	3.166.300.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	4.944.276		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.719.257.453		
Kết dư ngân sách	6.156.941		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

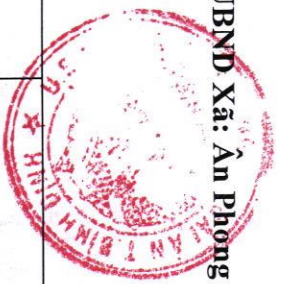
Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	4.689.871.000	4.158.871.000	11.025.519.227	9.340.281.951	235,09	224,71
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	4.689.871.000	4.158.871.000	11.025.519.227	9.340.281.951	235,09	224,71
I	Các khoản thu 100%	732.000.000	732.000.000	966.517.250	966.517.250	132,04	132,04
1	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	31.195.010	31.195.010	103,98	103,98
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	530.000.000	530.000.000	825.187.284	825.187.284	155,7	155,7
2.1	Thu từ quỹ đất công ích	530.000.000	530.000.000	545.200.284	545.200.284	102,87	102,87
2.2	Thu tiền hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất			279.987.000	279.987.000		
3	Lệ phí môn bài	7.000.000	7.000.000	8.000.000	8.000.000	114,29	114,29
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			4.393.985	4.393.985		
5	Thu đóng góp tự nguyện của các cá nhân trong và ngoài nước			23.500.000	23.500.000		
6	Lệ phí trước bạ nhà đất	140.000.000	140.000.000	39.255.695	39.255.695	28,04	28,04
7	Thu kết dư ngân sách năm trước			4.944.276	4.944.276		
8	Thu khác	25.000.000	25.000.000	30.041.000	30.041.000	120,16	120,16
8.1	Thu khác từ NS xã	25.000.000	25.000.000	30.041.000	30.041.000	120,16	120,16
8.21	Thu tiền chậm nộp thuế						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	590.000.000	59.000.000	1.866.992.248	186.699.248	316,44	316,44
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (10%)	40.000.000	4.000.000	85.157.406	8.515.741	212,89	212,89
2	Thuế GTGT(10%)	550.000.000	55.000.000	1.781.834.842	178.183.507	323,97	323,97
3	Thu tiền sử dụng đất(60%)						
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.367.871.000	3.367.871.000	6.467.808.000	6.467.808.000	192,04	192,04
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.301.508.000	3.301.508.000	3.301.508.000	3.301.508.000	100	100
	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	66.363.000	66.363.000	3.166.300.000	3.166.300.000	4771,18	4771,18
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)			1.719.257.453	1.719.257.453		
B	Thu ngân sách xã chưa qua KB						

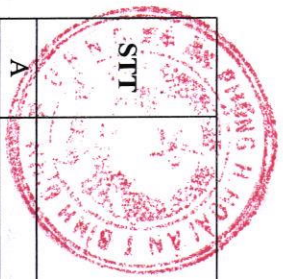
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/T/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4.158.871.000		4.158.871.000	9.334.125.010	3.041.201.000	6.292.924.010	224,44		151,31
	Trong đó:									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	4.158.871.000		4.158.871.000	9.334.125.010	3.041.201.000	6.292.924.010	224,44		151,31
I	Chi đầu tư phát triển (1)				3.041.201.000	3.041.201.000				
1	Chi đầu tư XD/CB				3.041.201.000	3.041.201.000				
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	4.158.871.000		4.158.871.000	5.342.621.058		5.342.621.058	128,46		128,46
I	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	378.940.000		378.940.000	424.809.550		424.809.550	112,10		112,10
	Chi dân quân tự vệ	305.300.000		305.300.000	342.132.550		342.132.550	112,06		112,06
	+ Lương +BHXX+BHYT+KPCD	211.140.000		211.140.000	232.423.756		232.423.756	110,08		110,08
	+ Chi hoạt động	94.160.000		94.160.000	109.708.794		109.708.794	116,51		116,51
	Chi an ninh trật tự	73.640.000		73.640.000	82.677.000		82.677.000	112,27		112,27
	+ Lương+BHXH+BHYT+KPCD	53.640.000		53.640.000	59.220.000		59.220.000	110,40		110,40
	+ Chi hoạt động	20.000.000		20.000.000	23.457.000		23.457.000	117,29		117,29
2	Chi sự nghiệp giáo dục									
3	Chi sự nghiệp y tế									
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	134.970.000		134.970.000	166.652.518		166.652.518	123,47		123,47
	+ Sự nghiệp văn hoá, thông tin	69.000.000		69.000.000	97.147.580		97.147.580	140,79		140,79
	+ Sự nghiệp truyền thanh	65.970.000		65.970.000	69.504.938		69.504.938	105,36		105,36
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	10.000.000		10.000.000	10.778.000		10.778.000	107,78		107,78
6	Sự nghiệp kinh tế	104.620.000		104.620.000	817.951.200		817.951.200	781,83		781,83
	SN giao thông									
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	104.620.000		104.620.000	626.672.200		626.672.200	599,00		599,00
	SN thị chính									
	Thương mại, dịch vụ				3.679.000		3.679.000			



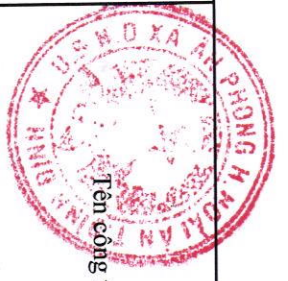
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/T/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Các sự nghiệp khác				187.600.000		187.600.000			
7	Sự nghiệp xã hội	266.409.000		266.409.000	315.555.000		315.555.000	118,45		118,45
	Hưu xã và trợ cấp khác	142.800.000		142.800.000	188.610.000		188.610.000	132,08		132,08
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội									
	Khác	108.609.000		108.609.000	92.985.000		92.985.000	85,61		85,61
	Chi sự nghiệp môi trường	15.000.000		15.000.000	33.960.000		33.960.000	226,40		226,40
	Chi xây dựng đời sống ở khu dân cư, gia đình văn hóa									
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.129.495.000		3.129.495.000	3.606.874.790		3.606.874.790	115,25		115,25
8	Hội đồng nhân dân xã	162.759.000		162.759.000	176.912.000		176.912.000	108,70		108,70
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	132.759.000		132.759.000	144.290.000		144.290.000	108,69		108,69
	+ Chi hoạt động	30.000.000		30.000.000	32.622.000		32.622.000	108,74		108,74
8.1	Quản lý nhà nước	1.559.127.000		1.559.127.000	1.911.236.557		1.911.236.557	122,58		122,58
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	1.116.538.000		1.116.538.000	1.287.095.718		1.287.095.718	115,28		115,28
	+ Chi hoạt động	442.589.000		442.589.000	624.140.839		624.140.839	141,02		141,02
8.2	Chi cho khối Đảng	484.566.000		484.566.000	541.249.061		541.249.061	111,70		111,70
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	429.566.000		429.566.000	478.575.861		478.575.861	111,41		111,41
	+ Chi hoạt động	55.000.000		55.000.000	62.673.200		62.673.200	113,95		113,95
8.3	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	240.468.000		240.468.000	278.749.602		278.749.602	115,92		115,92
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	220.468.000		220.468.000	253.439.602		253.439.602	114,96		114,96
	+ Chi hoạt động	20.000.000		20.000.000	25.310.000		25.310.000	126,55		126,55
8.4	Đoàn Thanh niên CSHCM	152.911.000		152.911.000	105.285.645		105.285.645	68,85		68,85
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	133.231.000		133.231.000	87.605.645		87.605.645	65,75		65,75
	+ Chi hoạt động	19.680.000		19.680.000	17.680.000		17.680.000	89,84		89,84
8.4	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	103.284.000		103.284.000	76.174.680		76.174.680	73,75		73,75
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	88.284.000		88.284.000	61.174.680		61.174.680	69,29		69,29
	+ Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000	15.000.000		15.000.000	100,00		100,00
8.6	Hội cựu chiến binh Việt Nam	181.314.000		181.314.000	199.840.417		199.840.417	110,22		110,22
	+ Lương + BHXH+BHYT+KPCD	166.314.000		166.314.000	186.018.417		186.018.417	111,85		111,85
	+ Chi hoạt động	15.000.000		15.000.000	13.822.000		13.822.000	92,15		92,15



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị : ngàn đồng

Tên công trình	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2023				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
Công trình hoàn thành									
A	Nguồn NSX				3.041.201			3.041.201	
I	Nguồn SDD NSX				2.851.201	0		2.851.201	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến Du Tự đi Cầu Dừa	2023-2024	11.967.330	2.003.597	2.000.000		2.000.000		
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng khu dân cư đội 5 thôn An hậu, xã An Phong, huyện Hoài Ân	2023	767.302	751.201	751.201		751.201		
2	Sửa chữa nhà làm việc UBND xã Ân Phong	2022	2.169.449	2.160.721	100.000		100.000		
3									
II	Nguồn Bảo vệ và PT đất trồng lúa				190.000			190.000	
1	Mương hồ từ hồ Học Kỳ đến gò cây Trôi	2021	1.045.811	1.045.911	70.000		70.000		
2	Mương Học Hào đến nhà ông Hồng	2021	816.652	816.652	60.000		60.000		
3	Mương từ nhà ông Hương đến Lỗ Bưng	2023	914.216	1.060.181	60.000		60.000		
B	Nguồn cấp trên hỗ trợ				3.172.400			3.172.400	
I	Nguồn NTM				707.000			707.000	Cấp 3



	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2023			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
7	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hoá thôn Vón TW	2023	2.110.897		2.110.897	707.000		707.000	
II						1.700.000		1.700.000	
8	Sửa chữa, cải tạo nhà bia, mộ liệt sĩ Nghĩa trang liệt sĩ xã Ân Phong	2023-2024	3.801.431		3.801.431	1.700.000		1.700.000	Tiền gửi
III	Nguồn KCH kênh mương					765.400		765.400	
1	Mương hò từ hò Hóc Kỳ đến gò cây Trời	2021				313.000		313.000	
2	Mương Hóc Hào đến nhà ông Hồng	2021				230.400		230.400	
3	Tuyến mương từ Cửa Châu đến Cầu Sắt	2021	607.048		600.942	174.000		174.000	
4	Mương từ nhà ông Ba đến nhà ông Lực	2021	182.661		171.009	48.000		48.000	



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023
 (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM			THỰC HIỆN NĂM		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	16.310.000	16.310.000	0	97.391.170	46.071.206	51.916.170
-Đền ơn đáp nghĩa	16.310.000	16.310.000	0	66.326.170	14.410.000	51.916.170
Quỹ PCTT	33.195.000	33.195.000		31.065.000	31.065.000	0
Quỹ Qp-AN		596.206			596.206	0

Số: 73 /BC-UBND

Ấn Phong, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Thuyết minh quyết toán NSX năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 5567 /QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Hoài Ân về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 06 /QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND xã Ấn Phong về việc phân bổ dự toán thu- chi NSX năm 2023;

Căn cứ Quyết định số: 138 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2024 của UBND xã Ấn Phong về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023;

Ủy ban Nhân dân xã Ấn Phong báo cáo tình hình quyết toán NSX năm 2023 như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách xã năm 2023 trên địa bàn xã:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn là 9.340 triệu đồng, đạt 224,99% dự toán đầu năm .

(Chi tiết biểu số 114/CKTC-NSNN kèm theo).

So với dự toán đầu năm kết quả đạt được của một số chỉ tiêu thu như sau: Một số chỉ tiêu đạt cao như lệ phí môn bài đạt 114%KH , thuế GTGT đạt 323% KH, thuế TNDN đạt 212% KH , lệ phí môn bài đạt 114%. Bên cạnh vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt như lệ phí trước bạ nhà đất đạt 28%.

2. Kết quả thực hiện chi ngân sách xã năm 2023:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 9.334 triệu đồng, đạt 224,44% so với dự toán giao đầu năm, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 6.292 triệu đồng đạt 151% dự toán đầu năm

+ Chi đầu tư: 3.041 triệu đồng.

(Chi tiết biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo).

Trên đây là báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2023 của UBND xã Ấn Phong.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy;
- TT. HĐND;
- TT. UBND;
- Lưu: VT.



PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Thành